

KẾT LUẬN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về việc bổ sung, điều chỉnh Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong
Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030

Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 02/6/2025, sau khi nghe Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo kết quả rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Công văn số 188-CV/ĐU ngày 29/5/2025); ý kiến phát biểu của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các đại biểu tham dự Hội nghị; Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

1. Thống nhất bổ sung, điều chỉnh Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, theo đề nghị của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại Công văn số 188-CV/ĐU ngày 29/5/2025; cụ thể:

- Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh sau bổ sung, điều chỉnh gồm 28 chỉ tiêu (tại Phụ lục số 01 kèm theo);

- Hệ thống chỉ tiêu cấp cơ sở (xã, phường) sau bổ sung, điều chỉnh gồm 24 chỉ tiêu (tại Phụ lục số 02 kèm theo);

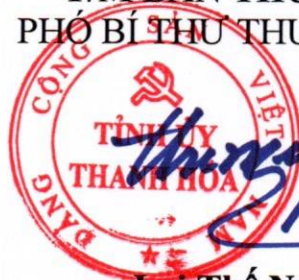
- Hủy bỏ 26 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội của cấp huyện, để đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Giao Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, cập nhật đầy đủ các chỉ tiêu mới trong hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội và xây dựng định hướng mục tiêu phấn đấu, hướng dẫn phương pháp tính đối với từng chỉ tiêu chủ yếu để phục vụ xây dựng Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở (xã, phường) nhiệm kỳ 2025-2030, hoàn thành **trước ngày 25/6/2025**; tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo, định hướng để cấp ủy, chính quyền cơ sở triển khai thực hiện xây dựng văn kiện Đại hội đảng bộ cấp cơ sở (xã, phường) nhiệm kỳ 2025-2030 đảm bảo chất lượng, tiến độ, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh,
- UBND tỉnh,
- Các ban, sở, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Lại Thế Nguyên



Phụ lục 01:

**Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị Đại hội
Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030**

(Kèm theo Kết luận số 3566 -KL/TU ngày 04 /6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Về kinh tế (15 chỉ tiêu)

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên.

(2) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%.

(3) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên.

(4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%.

(5) Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên.

(6) Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 700 nghìn tỉ đồng trở lên.

(8) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 7% trở lên.

(9) Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

(10) Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

(11) Số doanh nghiệp thành lập mới 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên.

(12) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên.

(13) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên.

(14) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm đạt 8,1% trở lên.

(15) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên.

2. Về văn hóa - xã hội (09 chỉ tiêu)

(16) Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm dưới 1%.

(17) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm theo tiêu chí mới của giai đoạn

2026 - 2030 từ 1% trở lên.

(18) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

(19) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%.

(20) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

(21) Số bác sỹ/1 vạn dân đến năm 2030 đạt 15 bác sỹ/10.000 dân.

(22) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên.

(23) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên.

(24) Tỷ lệ xã, phường, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2030 đạt 36% trở lên.

3. Về môi trường (03 chỉ tiêu)

(25) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên.

(26) Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

(27) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

4. Về an ninh trật tự (01 chỉ tiêu)

(28) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên.



Phụ lục 02:

Hệ thống chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở (xã, phường), nhiệm kỳ 2025 - 2030

(Kèm theo Kết luận số 3566 -KL/TU ngày 04 /6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Các chỉ tiêu về kinh tế (11 chỉ tiêu)

- (1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm (%).
- (2) Thu nhập bình quân đầu người/năm năm 2030 (triệu đồng).
- (3) Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm (tấn).
- (4) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao 05 năm giai đoạn 2026 - 2030; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao (ha).
- (5) Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2030 (triệu đồng).
- (6) Tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2030 (nghìn con).
- (7) Sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2030 (tấn).
- (8) Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước địa phương 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 (tỉ đồng).
- (9) Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm (%).
- (10) Số doanh nghiệp mới được thành lập 05 năm giai đoạn 2026 - 2030 (doanh nghiệp).
- (11) Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ, đường tỉnh) được cứng hóa đến năm 2030 (%).

II. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội (9 chỉ tiêu)

- (12) Tốc độ tăng dân số bình quân hằng năm (%).
- (13) Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%).
- (14) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số năm 2030 (%).
- (15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2030 (%).
- (16) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động năm 2030 (%).
- (17) Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn năm 2030 (%).
- (18) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm (%).
- (19) Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa năm 2030 (%).
- (20) Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chí kiểu mẫu theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2030 (%).

III. Các chỉ tiêu về môi trường (03 chỉ tiêu)

- (21) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 (%).
- (22) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh năm 2030; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế (%).
- (23) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2030 (%).

IV. Các chỉ tiêu về an ninh trật tự (01 chỉ tiêu)

- (24) Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm (%).